

Quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại giai đoạn 1950 - 1953

ThS. NGUYỄN THANH TÂM

Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; Email: thanhtam8789ajc@gmail.com

Tóm tắt: Với đường lối đúng đắn về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, từ năm 1950 đến cuối năm 1953, Đảng đã huy động được tối đa mọi nguồn lực của dân tộc, trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hoá, trở thành một lực lượng vật chất, tinh thần hùng hậu tiến công mạnh mẽ, quyết liệt thực dân Pháp. Đồng thời, với đường lối quốc tế đúng đắn, Đảng đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn và hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa mà nòng cốt là Liên Xô, Trung Quốc và các nước bè bạn năm châu, trong đó có cả nhân dân tiến bộ Pháp. Từ đó, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Từ khóa: sức mạnh dân tộc; sức mạnh thời đại; giai đoạn 1950 - 1953.

1. Chủ trương của Đảng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1950 đến cuối năm 1953

Đầu năm 1950, Chính phủ Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đối trọng lại, phía đế quốc Mỹ, Anh công nhận Chính phủ Quốc gia của Bảo Đại. Hai sự kiện này càng khẳng định rõ chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương ngày càng mang tính chất quốc tế, nước Việt Nam "công nhiên đứng vào hàng ngũ các nước dân chủ thế giới do Liên Xô lãnh đạo chống bọn đế quốc" và là "tiền đồn trong phòng tuyến dân chủ chống đế quốc ở Đông Nam châu Á"⁽¹⁾.

Tháng 01/1950, Trung ương Đảng đã họp Hội nghị toàn quốc lần thứ ba chủ trương phải gấp rút hoàn thành việc chuẩn bị xây dựng sức mạnh dân tộc để chuyển mạnh sang phản công với các nội dung quan trọng: Xây dựng bộ đội chủ lực phù hợp với khả năng và tình thế mới, tăng cường bộ đội địa phương, phát triển dân quân, du kích rộng khắp; phát triển chiến tranh du kích đến cao độ; đẩy mạnh vận động chiến lên địa vị chủ yếu; xây dựng, củng cố hậu phương, căn cứ địa kháng chiến; đẩy mạnh công tác binh dịch vận, dân vận; tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực và tinh thần của toàn dân theo khẩu hiệu "Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để đánh thắng"; Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, kiên quyết triệt phá chính quyền cơ sở của địch; Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân, hoàn thành thống nhất Việt Minh - Liên Việt trên phạm vi cả nước; Phát triển kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thi hành chính sách ruộng đất,

hoàn thành giảm tô, thực hiện giảm tức, tiếp tục tạm cấp ruộng đất của Việt gian, địa chủ cho dân cày nghèo; bao vây, phá hoại kinh tế địch; Chấn chỉnh và phát triển giáo dục nhằm đào tạo, bồi túc cán bộ đáp ứng nhu cầu kháng chiến, tăng cường công tác lý luận và chính trị cho đảng viên, chấn chỉnh tổ chức Đảng⁽²⁾.

Với quan điểm xuyên suốt, nhất quán về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng rất chú trọng công tác xây dựng sức mạnh dân tộc, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến. Bên cạnh đó, Nghị quyết Hội nghị cũng chú trọng đến công tác ngoại giao để tranh thủ sức mạnh của quốc tế, từ đó tăng cường thêm nguồn sinh lực cho sức mạnh dân tộc. Hội nghị xác định: "Cuộc kháng chiến của các dân tộc Đông Dương mật thiết gắn bó với cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình của nhân dân các nước trên thế giới. Nhân dân Đông Dương đánh thực dân Pháp không những để giành tự do, độc lập thật sự cho mình mà còn để bảo vệ cho hoà bình và dân chủ thế giới"⁽³⁾.

Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II tại căn cứ địa Việt Bắc (từ ngày 11 đến ngày 19/02/1950). Báo cáo Chính trị của Đại hội chú trọng đến công tác xây dựng sức mạnh nội lực cho cách mạng Việt Nam, trong đó, tập trung đẩy mạnh công tác thi đua yêu nước, xây dựng lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mặt trận đoàn kết dân tộc, thực hiện chính sách ruộng đất, kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội, quân sự. Đảng quyết định ra hoạt động công khai, lấy tên Đảng Lao động Việt Nam: "chúng ta phải có một đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình

thế giới và tình hình trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi□ Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới□⁽³⁾.

Nhằm phát huy sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong giai đoạn mới, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (02/1951) đã đề ra phương hướng, chính sách đối ngoại trong giai đoạn này là: □Tiến hành đến cùng cuộc kháng chiến để tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh đổ can thiệp Mỹ, thắt chặt tình đoàn kết với nhân dân lao động Pháp và Mỹ trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp và Mỹ. Tích cực giúp đỡ cuộc chiến tranh giải phóng của các dân tộc Ai Lao và Cao Miên. Củng cố mối quan hệ hữu nghị với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao chính thức với các nước, nhất là những nước láng giềng Đông Nam Á, trên nền tảng bình đẳng, thân thiện và tôn trọng chủ quyền của nhau□⁽⁴⁾.

2. Đảng chỉ đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1950 đến năm 1954

Cách mạng Trung Quốc thành công (1949), Đảng nhanh chóng nhận định, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc là nguồn sức mạnh thời đại to lớn, một cơ hội quý báu đối với Việt Nam, mở ra khả năng khai thông liên lạc với phe xã hội chủ nghĩa; Vòng vây của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam sẽ bị phá vỡ. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ có điều kiện thiết lập các mối quan hệ trực tiếp với Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác, từ đó sẽ tranh thủ được sức mạnh thời đại to lớn cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.

Ngày 18/01/1950, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 21/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc và Liên Xô. Ngày 30/01/1950, Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, sau đó là một loạt các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Từ đây, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có hậu phương kéo dài từ Trung Quốc đến vùng biển Ban Tích, với sự ủng hộ cả về tinh thần và vật chất của hơn 800 triệu nhân dân các nước anh em. Chỉ tính riêng trong năm 1951, Việt Nam nhận được 463 tấn vũ khí đạn dược, 157 tấn nguyên liệu quân giới, 766 tấn xăng

dầu, 4.120 tấn gạo, thực phẩm, 452 tấn quân trang, 27 tấn quân y, 1 tấn thông tin. Năm 1952, nhận được 990 tấn vũ khí, đạn dược, 342 tấn nguyên liệu quân giới, 610 tấn xăng dầu, 151 tấn gạo, thực phẩm, 58 tấn quân y, 5 tấn thông tin⁽⁵⁾. Trung Quốc tổ chức vận chuyển hàng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam; cử cố vấn quân sự sang Việt Nam; đồng ý cho Việt Nam đưa cán bộ, chiến sĩ Trường Bô túc Quân chính trung cấp (Trường Lục quân) và các đơn vị khác sang Văn Nam để đào tạo và bổ túc cán bộ.

Chuyến thăm Trung Quốc và Liên Xô của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp cách mạng Việt Nam có một đại thắng lợi về chính trị và ngoại giao, tạo ra sức mạnh thời đại mạnh mẽ, tác động lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Đồng thời, tình hữu nghị giữa Việt Nam và nhân dân các nước dân chủ thế giới ngày càng chặt chẽ, Việt Nam có thêm cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước bạn bè. Thắng lợi này đã góp phần đẩy thực dân Pháp và đế quốc lún sâu hơn vào thế bị động, lúng túng.

Tranh thủ được sự công nhận, ủng hộ, viện trợ về vật chất của Liên Xô, Trung Quốc, cùng với sức mạnh dân tộc to lớn được xây dựng sau bốn năm chiến đấu trong vòng vây (1945 - 1949), tháng 6/1950, Đảng quyết định mở chiến dịch Biên Giới. Đây là một điển hình thành công về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, là thành quả của những nỗ lực phi thường của quân và dân trong những năm tháng chiến đấu đầy hi sinh, gian khổ giữa vòng vây kẻ thù, là kết quả của những nỗ lực không ngừng nghỉ trong xây dựng mối quan hệ ngoại giao với quốc tế, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi Biên Giới tạo chuyển biến cơ bản cho cuộc kháng chiến, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một giai đoạn mới.

Để tăng cường sức mạnh thời đại, Đảng chú trọng mở rộng quan hệ với nhân dân Pháp tiến bộ, với phong trào phản đối chiến tranh ở Đông Dương, với các tổ chức hòa bình, dân chủ quốc tế nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng này để đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Bên cạnh đó, Đảng chú trọng xây dựng Liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào, với tinh thần □giúp bạn là tự giúp mình□ □Nhân dân Việt Nam hết lòng thành thật giúp đỡ nhân dân Lào, nhân dân Miên một cách vô điều kiện. Sự thật thì chưa tìm ra chữ gì thay thế chữ □giúp□, chứ thực ra không phải giúp, mà là nghĩa vụ quốc tế□⁽⁶⁾, Ngày 11/3/1951, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước

Đồng Dương được tổ chức.

Đảng hết sức coi trọng, kiên trì thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền tính chính nghĩa, khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế. Điều đó đã tác động mạnh mẽ tới dư luận tiến bộ Pháp, là cơ sở để Đảng Cộng sản Pháp tuyên truyền, phát động phong trào đấu tranh phản đối chiến tranh của Pháp tại Việt Nam với nhiều hoạt động tiêu biểu như: Công nhân cảng Nixer đẩy các toa xe lửa chở vũ khí sang Việt Nam xuống biển, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp Henri Martin phản đối chiến tranh ngay trong quân đội quốc gia Pháp; nữ công nhân Pháp Raymông Diêng nằm ngang đường ray ngăn tàu hỏa chở vũ khí sang Việt Nam□ Những hoạt động đó đã có tác động không nhỏ tới tinh thần quân đội Pháp, làm phân hoá sâu sắc chính giới Pháp, ý chí xâm lược của Pháp từng bước bị lung lay, cuối cùng phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Việt Nam.

Sau Chiến thắng Biên Giới 1950, mặc dù nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần của quốc tế, nhưng với tinh thần □ta có mệnh hạn mới đếm xỉa đến□, Đảng vẫn rất chú trọng công tác xây dựng sức mạnh dân tộc.

Về quân sự: trên cơ sở tham khảo ý kiến của cố vấn quân sự Trung Quốc và đánh giá tình hình ở các mặt trận tại Bắc Bộ, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định mở các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào. Việc đẩy mạnh các hoạt động quân sự góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường, bộ đội tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm và có bước trưởng thành mới, khẳng định quyền chủ động chiến lược của Việt Nam trên khắp các chiến trường, góp phần tăng cường sức mạnh nội lực để nhanh chóng đi đến kết thúc chiến tranh.

Về xây dựng lực lượng vũ trang: Đảng, Chính phủ rất quan tâm □xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ, chấn chỉnh với ba đặc điểm: dân tộc, nhân dân và dân chủ. Tích cực xây dựng bộ đội chính quy, củng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân du kích, xây dựng Đảng và công tác chính trị trong quân đội, tích cực cải thiện sinh hoạt, đào tạo cán bộ, đặc biệt nâng đỡ cán bộ công nông, giáo dục tư tưởng, rèn luyện kỷ luật nghiêm khắc và tự giác, rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, đề cao việc học tập lý luận quân sự, kết hợp với kinh nghiệm thực tế của chiến trường Việt Nam□⁽⁷⁾.

Đến cuối năm 1952, đã xây dựng được 6 Đại đoàn bộ binh (304, 308, 312, 316, 320, 325), 1 Đại đoàn Công

pháo (315) và 2 Trung đoàn bộ binh (148, 246), 1 tiểu đoàn thông tin (303), 1 tiểu đoàn trinh sát (426). Tổng quân số 96.212 người. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện được củng cố. Cuối năm 1951, cả nước có 18 tiểu đoàn, 193 đại đội và 194 trung đội. Việc nhanh chóng phát triển bộ đội chủ lực với quy mô thích hợp trên cơ sở bộ đội địa phương mạnh, dân quân du kích hùng hậu và kiên quyết đưa bộ đội chủ lực lên đánh lớn là một cố gắng mới nhằm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Về đảm bảo vũ khí, trang bị: lãnh đạo Đảng và Quân đội đã chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, sửa chữa vũ khí, tập trung sản xuất mìn, lựu đạn và các vũ khí hạng nhẹ. Đến năm 1953, cả nước có 150 xưởng sản xuất vũ khí, chế tạo được 69 loại vũ khí có khả năng phá hủy các trang bị xe tăng, xe bọc thép, boong ke, sản xuất hơn 3.500 tấn vũ khí đạn dược...; Ngành Quân giới nghiên cứu làm vô hiệu hóa vũ khí của địch; sửa chữa, cải tiến nâng cao hiệu quả sử dụng các loại vũ khí, trang bị chiến lợi phẩm và do các nước viện trợ cho phù hợp với điều kiện và cách đánh của Việt Nam; tìm kiếm, bồi dưỡng những người có năng lực chuyên môn kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, cải tiến và sản xuất vũ khí. Công tác quản lý, giữ gìn, phát huy hiệu quả vũ khí, trang bị phục vụ bộ đội chiến đấu và chiến lợi phẩm luôn được coi trọng. Công tác đảm bảo hậu cần, công nghiệp quốc phòng được chú trọng với 21 cơ sở quân được, 20 cơ sở quân nhu. Từ năm 1953, □Hội đồng Cung cấp mặt trận□ và □Ban Bảo đảm giao thông□ được tổ chức ở các cấp, từ Trung ương tới cơ sở xã. Công tác đảm bảo vũ khí, hậu cần góp phần đảm bảo cho bộ đội yên tâm chiến đấu, dốc sức cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Về công tác chính trị: ngày 03/3/1951, Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh và Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam thống nhất thành Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt). Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường thêm một bước, làm chỗ dựa vững chắc cho chính quyền dân chủ nhân dân.

Ngày 30/4/1951, Trung ương Đảng ra Chỉ thị về vấn đề Đảng ra công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam. Chỉ thị nêu rõ: việc Đảng ra hoạt động công khai nhằm tăng cường quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, củng cố khối đoàn kết toàn dân để kháng chiến, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tạo điều kiện củng cố Đảng về các mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Về công tác tư tưởng, Trung ương quyết định thành lập Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương (14/9/1950), Ban Tuyên huấn Trung ương (16/4/1950), bước đầu xây dựng chế độ báo cáo viên, thí điểm xây dựng □lưới tuyên truyền□ở cơ sở, chấn chỉnh việc giảng dạy trong các trường Đảng, quy định chế độ học tập cho cán bộ. Các Ban Tuyên huấn ở các tỉnh trong vùng sau lưng địch đã mở được nhiều lớp huấn luyện đào tạo bồi dưỡng cán bộ về công tác vùng sau lưng địch.

Năm 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc đã họp tại Việt Bắc. Đại hội góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cho đội ngũ cán bộ và toàn thể nhân dân, đưa phong trào thi đua yêu nước lên một bước mới.

Về công tác chính đồn Đảng, Trung ương Đảng tập trung vào phát triển Đảng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên, làm tốt công tác □phê bình và tự phê bình□, □đào tạo cán bộ, học tập lý luận□. Ngày 29/12/1951, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về cuộc vận động chính đồn Đảng; mở các lớp chính đồn. Các đoàn thể quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ tiếp tục được xây dựng phù hợp với điều kiện kháng chiến. Qua công tác tư tưởng, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được nâng cao, khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, góp phần nâng cao sức mạnh dân tộc cho cuộc kháng chiến.

Về công tác báo chí, đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng, tăng số lượng phát hành. Báo *Nhân dân* phát hành 20.000 bản/ngày; báo *Cứu quốc*: 25.000 - 30.000 bản/ngày. Ở địa phương có báo *Nhân dân liên khu*, báo *Nhân dân miền Nam*, báo *Cứu quốc khu III*, *Cứu quốc khu IV*, *Cứu quốc Thủ đô*, *Cứu quốc Nam Bộ*□. Tờ báo *Vệ quốc quân* và *Quân du kích* hợp nhất lại thành tờ *Quân đội nhân dân* xuất bản hàng tuần (10-1950). *Đài Tiếng nói Việt Nam*, *Đài Tiếng nói Nam Bộ*, *Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn* tự do duy trì hoạt động có hiệu quả.

Về kinh tế, Chính phủ mở cuộc vận động □Thi đua sản xuất, lập công□, ban hành sắc lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công thương, thuế hàng hoá, thuế xuất nhập khẩu. Tiếp tục tịch thu ruộng đất của thực dân, đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại công điền, công thổ, tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Ngày 12/4/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 149/SL quy định về chính sách ruộng đất, chấn chỉnh chế độ thuế khoán. Tháng 11/1953, thông qua Cương lĩnh ruộng đất. Tháng 12/1953, thông qua Luật Cải cách

ruộng đất và tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân và bộ đội. Ngành thương nghiệp tổ chức lưu thông, phân phối hàng hoá, tiến hành đấu tranh kinh tế với địch, chống nạn đầu cơ, tích trữ, bình ổn vật giá. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác khôi phục và phát triển kinh tế đã đạt được những kết quả khả quan, đáp ứng đời sống nhân dân từ đó động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, đóng góp sức người sức của phục vụ cho tiến tuyến.

Về văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế tiếp tục được đẩy mạnh để phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh và sản xuất, góp phần làm cho hậu phương ngày càng vững mạnh, đảm bảo chi viện sức người, sức của cho kháng chiến.

Như vậy, từ năm 1950 đến cuối năm 1953, trong bối cảnh tình hình mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chủ trương đúng đắn, nhạy bén, kịp thời, phù hợp với sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước. Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu, tính chất, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, mối liên hệ của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Đảng đã từng bước huy động được sức mạnh của quần chúng nhân dân, tranh thủ được sức mạnh của thời đại, sự giúp đỡ, ủng hộ của quốc tế cả về vật chất và tinh thần, tăng cường thế và lực cho cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận quan trọng, không thể tách rời khỏi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân, giành độc lập dân tộc, bảo vệ hòa bình của các lực lượng dân chủ và tiến bộ trên thế giới, từng bước buộc thực dân Pháp phải chấm dứt □cuộc chiến tranh bẩn thỉu□ ở Việt Nam và Đông Dương, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán để có thể rút khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam trong danh dự./.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 225.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, T.1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 359.

(3), (4), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.37; tr.145-146; tr.423.

(5), (6) Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.395; tr.132.